



STT	CÔNG OÀN C S	S L	S C V	Qu l ng lao ng	Qu l ng oàn viên	Thu oàn phí	Kinh phí c p	T ng c ng	Ph c p 30%	Hành chính 5%	Phong trào 30%	Th m h i 25%	Tham quan 10%	C ng chi	N p 40%	T ng c ng chi
	T NG C NG	2,629	2,594	110,624,033,664	109,504,749,824	1,095,047,498	1,327,488,404	2,422,535,902	595,355,071	99,225,845	595,355,071	496,129,226	198,451,690	1,984,516,903	438,018,999	2,422,535,902
<b>II</b>	<b>C CS ngoài qu c doanh</b>															
1	Cty CP sách thi t b	35	35	1,308,000,000	1,308,000,000	13,080,000	26,160,000	39,240,000	7,063,200	1,177,200	7,063,200	5,886,000	2,354,400	23,544,000	15,696,000	39,240,000
	T ng C ng	2,664	2,629	111,932,033,664	110,812,749,824	1,108,127,498	1,353,648,404	2,461,775,902	602,418,271	100,403,045	602,418,271	502,015,226	200,806,090	2,008,060,903	453,714,999	2,461,775,902

B n Tre ngày 14 tháng 12 n m 2012

**TM. BAN TH NG V**  
**CH T CH**

**Ng il p**

**Nguy n Thúy H ng**

**Ph m Nghi Ti n**

LIÊN HIỆP HỢP CÔNG NHÂN  
CỘNG HÒA GIẢI PHÓNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ CÔNG NHÂN

TT	TÊN CÔNG NHÂN	Tổng số lao động (người)	Tổng số công nhân (người)	Tổng quỹ tiền lương năm 2013	Tổng quỹ tiền lương Công nhân năm 2012	Thu 2% KPC	Thu 1% công nhân	Tổng công	Chi phí CS 60%	Chi phí trên 40%
<b>I</b>	<b>Công nhân của HCSN</b>									
1	S Giáo dục và Đào tạo	62	60	3,387,258,000	3,383,352,000	67,745,160	33,833,520	101,578,680	60,947,208	40,631,472
2	THPT Chuyên Bến Tre	80	80	3,559,605,840	3,559,605,840	71,192,117	35,596,058	106,788,175	64,072,905	42,715,270
3	THPT Nguyễn Đình Chiểu	81	81	4,093,039,440	4,093,039,440	81,860,789	40,930,394	122,791,183	73,674,710	49,116,473
4	THPT Võ Trường Toản	79	79	3,544,320,000	3,544,320,000	70,886,400	35,443,200	106,329,600	63,797,760	42,531,840
5	THPT Lê Long Quân	59	59	2,415,684,600	2,415,684,600	48,313,692	24,156,846	72,470,538	43,482,323	28,988,215
6	THPT Nguyễn Thiện	75	75	2,769,309,000	2,769,309,000	55,386,180	27,693,090	83,079,270	49,847,562	33,231,708
7	THPT Phan Văn Tr	90	90	4,279,840,680	4,279,840,680	85,596,814	42,798,407	128,395,220	77,037,132	51,358,088
8	THPT Nguyễn Trãi	72	72	2,695,389,480	2,695,389,480	53,907,790	26,953,895	80,861,684	48,517,011	32,344,674
9	THPT Nguyễn Ngọc Thng	75	69	3,319,178,940	2,679,012,000	66,383,579	26,790,120	93,173,699	55,904,219	37,269,480
10	THPT Tấn K	65	64	2,459,726,640	2,447,126,640	49,194,533	24,471,266	73,665,799	44,199,480	29,466,320
11	THPT Phan Thanh Gi n	108	108	4,903,950,240	4,903,950,240	98,079,005	49,039,502	147,118,507	88,271,104	58,847,403
12	THPT Sĩ Ngng Nguyễn t Anh	66	61	2,293,268,000	2,292,640,500	45,865,360	22,926,405	68,791,765	41,275,059	27,516,706
13	THPT Phan Ng c Tông	59	59	2,009,196,000	2,009,196,000	40,183,920	20,091,960	60,275,880	36,165,528	24,110,352
14	THPT Phan Liêm	29	29	1,048,683,000	1,048,683,000	20,973,660	10,486,830	31,460,490	18,876,294	12,584,196
15	THPT Lê Hoàng Chi u	90	90	3,847,566,120	3,847,566,120	76,951,322	38,475,661	115,426,984	69,256,190	46,170,793
16	THPT Lê Quý ôn	60	60	2,578,761,360	2,578,761,360	51,575,227	25,787,614	77,362,841	46,417,704	30,945,136
17	THPT Huỳnh T n Phát	61	61	2,274,266,840	2,274,266,840	45,485,337	22,742,668	68,228,005	40,936,803	27,291,202
18	THPT M c nh Chi	38	38	1,456,395,600	1,456,395,600	29,127,912	14,563,956	43,691,868	26,215,121	17,476,747
19	THPT Trần V n n	80	80	3,858,000,000	3,858,000,000	77,160,000	38,580,000	115,740,000	69,444,000	46,296,000
20	THPT Diệp Minh Châu	84	81	3,202,000,000	3,131,000,000	64,040,000	31,310,000	95,350,000	57,210,000	38,140,000
21	THPT Nguyễn Hu	41	36	1,441,414,800	1,331,820,000	28,828,296	13,318,200	42,146,496	25,287,898	16,858,598
22	THPT Chê- guê-va-ra	107	106	4,661,363,700	4,636,302,300	93,227,274	46,363,023	139,590,297	83,754,178	55,836,119
23	THPT Qu n Tr ng Hoàng	72	72	2,789,098,200	2,789,098,200	55,781,964	27,890,982	83,672,946	50,203,768	33,469,178

24	THPT Ca V n Th nh	100	100	4,264,190,280	4,264,190,280	85,283,806	42,641,903	127,925,708	76,755,425	51,170,283
25	THPT Nguy n Th Minh Khai	61	61	2,287,830,000	2,287,830,000	45,756,600	22,878,300	68,634,900	41,180,940	27,453,960
26	THPT oàn Th i m	67	67	2,698,632,720	2,698,632,720	53,972,654	26,986,327	80,958,982	48,575,389	32,383,593
27	THPT Lê Hoài ôn	83	83	3,324,969,900	3,324,969,900	66,499,398	33,249,699	99,749,097	59,849,458	39,899,639
28	THPT Tr n Tr ng Sinh	50	50	2,023,477,200	2,023,477,200	40,469,544	20,234,772	60,704,316	36,422,590	24,281,726
29	THPT Tr n V n Ki t	100	100	4,675,204,000	4,675,204,000	93,504,080	46,752,040	140,256,120	84,153,672	56,102,448
30	THPT Tr ng V nh Ký	84	84	3,708,000,000	3,708,000,000	74,160,000	37,080,000	111,240,000	66,744,000	44,496,000
31	THPT Lê Anh Xuân	62	62	2,473,128,000	2,473,128,000	49,462,560	24,731,280	74,193,840	44,516,304	29,677,536
32	THPT Ngô V n C n	89	89	3,862,918,200	3,862,918,200	77,258,364	38,629,182	115,887,546	69,532,528	46,355,018
33	TTGDTX Thành Ph	33	33	1,480,166,000	1,480,166,000	29,603,320	14,801,660	44,404,980	26,642,988	17,761,992
34	TTGDTX Gi ng Trôm	22	22	1,018,451,700	1,018,451,700	20,369,034	10,184,517	30,553,551	18,332,131	12,221,420
35	TTGDTX Ba Tri	25	25	1,021,426,560	1,021,426,560	20,428,531	10,214,266	30,642,797	18,385,678	12,257,119
36	TTGDTX Bình i	22	18	883,297,800	797,139,000	17,665,956	7,971,390	25,637,346	15,382,408	10,254,938
37	TTGDTX Châu Thành	24	24	1,067,000,000	1,067,000,000	21,340,000	10,670,000	32,010,000	19,206,000	12,804,000
38	TTGDTX M Cày Nam	35	30	1,375,491,600	1,250,184,600	27,509,832	12,501,846	40,011,678	24,007,007	16,004,671
39	TTGDTX M Cày B c	20	20	546,169,680	546,169,680	10,923,394	5,461,697	16,385,090	9,831,054	6,554,036
40	TTGDTX Ch Lách	23	23	1,065,300,000	1,065,300,000	21,306,000	10,653,000	31,959,000	19,175,400	12,783,600
41	TTGDTX Th nh Phú	15	15	693,193,188	693,193,188	13,863,864	6,931,932	20,795,796	12,477,477	8,318,318
42	Trung tâm KTHN-TH	16	14	692,988,840	654,127,440	13,859,777	6,541,274	20,401,051	12,240,631	8,160,420
43	Tru ng NDTEKT	42	41	1,652,000,000	1,646,000,000	33,040,000	16,460,000	49,500,000	29,700,000	19,800,000
44	TTGDTX t nh	23	23	922,881,516	922,881,516	18,457,630	9,228,815	27,686,445	16,611,867	11,074,578
	<b>C ng</b>	<b>2,629</b>	<b>2,594</b>	<b>110,624,033,664</b>	<b>109,504,749,824</b>	<b>2,212,480,673</b>	<b>1,095,047,498</b>	<b>3,307,528,172</b>	<b>1,984,516,903</b>	<b>1,323,011,269</b>
<b>II</b>	<b>C CS ngoài qu c doanh</b>									
1	Cty CP sách thi t b	35	35	1,308,000,000	1,308,000,000	26,160,000	13,080,000	39,240,000	23,544,000	15,696,000
	<b>T ng C ng</b>	<b>2,664</b>	<b>2,629</b>	<b>111,932,033,664</b>	<b>110,812,749,824</b>	<b>2,238,640,673</b>	<b>1,108,127,498</b>	<b>3,346,768,172</b>	<b>2,008,060,903</b>	<b>1,338,707,269</b>

Ngày 14 tháng 12 n m 2012

**TM. BAN TH NG V**  
**CH T CH**

**L p bi u**

Nguy n Thúy H ng

Ph m Nghi Ti n